

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HSST  
Ngày 25-4-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Duy Toàn.  
2. Bà Trần Thị Hoài.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Thắng và bà Nguyễn Thị Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST - HS, ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1989, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1949 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1951; Vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1992; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị cáo T hiện đang tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2023/HSST-QĐ, ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Có mặt.

**Bị hại:** Ông Phan Văn T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn Nà Lách, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H. Có mặt.

*Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 21/12/2022, Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H cùng với vợ là Nguyễn Thị X, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H đi đến nhà ông Nguyễn Lương H, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn Nà Trà, xã Linh Hồ, huyện V để tham dự đám cưới. Khi đến cổng nhà ông H thì T bảo vợ đi vào trước còn T đi tìm chỗ để xe máy, trong lúc để xe T phát hiện có một xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển kiểm soát 23H1-236.46 để cạnh bờ rào của nhà ông H, quan sát xung quanh không thấy ai trông coi nên Thành đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy. T đi vào trong đám cưới ngồi uống nước một lúc rồi đi ra ngoài chỗ xe mô tô của Nguyễn Thị X, mở cốp xe lấy một tô vít, một kìm (do trước đây T để sẵn để sửa chữa xe mô tô lưu động khi cần). T dùng tô vít tháo ốc của phần nhựa ốp trước (mặt nạ) xe mô tô BKS 23H1-236.46, sau đó dùng hai tay cầm phần nhựa ốp trước kéo, giật bung ra khỏi xe. T cầm ổ khóa điện (phần có đầu nối dây điện) tháo rời đầu nối nguồn dây điện nối với ổ khóa. Tiếp đó, T lấy từ trong túi áo ra một đoạn dây điện màu vàng nối vào hai cực của dây điện vừa tháo từ ổ khóa, rồi nổ máy xe và lắp lại phần nhựa ốp trước vào xe và điều khiển xe mô tô BKS 23H1-236.46 đi về cửa hàng sửa xe máy của T tại thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H. Đến tối cùng ngày, T tháo hết phần nhựa, biển số, ổ khóa của xe mô tô BKS 23H1-236.46, trong lúc tháo xe T mở cốp thấy có đăng ký xe mang tên Phan Văn T, trú tại thôn Nà Lách, xã Linh Hồ, V nên T đã mang đăng ký xe đi giấu xuống đất cách nhà khoảng 01km. Đến ngày 22/12/2022, chủ xe là ông Phan Văn T, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn Nà Lách, xã Linh Hồ, huyện V đến cửa hàng sửa xe của T và quan sát xe mô tô mà T trộm cắp. Ông T hỏi T về nguồn gốc xe, T có nói là xe của khách mang đến sửa. Khi ông T rời đi, lo sợ bị phát hiện T đã mang xe lấy trộm được đi cất tại nhà chị gái là Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện V rồi đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, Công an xã Linh Hồ và gia đình ông Phan Văn T phát hiện chiếc xe mô tô tại nhà của Nguyễn Thị H. Công an xã Linh H đã mời T đến làm việc, quá trình đấu tranh T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô Honda màu đen, toàn bộ phần vỏ nhựa đen đã bị tháo ra; Số loại: WAVE ALPHA; Số khung: RLHJA3926NY120286; Số máy: JA39E2617191; 01 biển kiểm soát 23H1-236.46; 01 cụm đèn chiếu sáng xe mô tô; 02 tấm nhựa yếm xe mô tô; 01 ốp sườn xe màu đen bằng nhựa; 01 tấm nhựa mặt nạ xe màu đen; 01 tấm ốp màu đen ốp ổ khóa xe; 02 chìa khóa xe (chìa khóa của ổ khóa mới); 01 bộ ổ khóa xe mô tô (ổ khóa cũ);

- 01 giấy đăng ký xe mô tô số 003177 mang tên Phan Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Nà Lách, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H.

- Xe mô tô BKS 23H1-236.46 (cùng các linh kiện bị tháo rời) và giấy tờ trên là tài sản hợp pháp của bị hại Phan Văn T. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho đại diện hợp pháp của bị hại.

- Còn lại vật chứng gồm: 01 (một) tô vít tổng chiều dài 24cm, phần tay cầm bằng nhựa, màu vàng cam - đen; 01 (một) kim tổng chiều dài 17cm, phần tay cầm bằng nhựa có ghi chữ MEINFA. Những vật chứng này được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện V để quản lý theo quy định.

**Tại cáo trạng số:** 13/CT-VKS - VX ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 21/12/2022, tại thôn Nà Trà, xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H, T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1-236.46 là tài sản của ông Phan Văn T. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá huyện V ngày 10/01/2023 kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 23H1-236.46 có giá trị là 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*). Sau khi bị phát hiện bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Phan Văn T số tiền 23.265.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo T nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo, sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Bị hại Phan Văn T trình bày đã nhận tiền bồi thường của bị cáo T với số tiền 23.265.000 đồng, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường về thiệt hại của chiếc xe máy. Bị hại T có yêu cầu thêm bị cáo T phải bồi thường tiền công bị hại T đã thuê 9 người trong đêm ngày 21/12/2022 đi tìm xe máy cho bị hại với tổng số tiền là 4.000.000đ. Ngoài ra bị hại không còn yêu cầu nào khác. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của bị hại. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị HĐXX tuyên bố:

- Về tội danh: Tuyên bố xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPATC ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 tháng đến 40 tháng, Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 25/4/2023.

Giao bị cáo T về UBND xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về phần dân sự: Ngày 12/01/2023 bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Phan Văn T số tiền là 23.265.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường thêm 4.000.000đ tiền công đi tìm xe và bị cáo đã nhất trí bồi thường, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm: 01 Tô vít tổng chiều dài 24cm, phần tay cầm bằng nhựa, màu vàng cam - cam, đã qua sử dụng; 01 Chiếc kìm tổng chiều dài 17cm, phần tay cầm bằng nhựa có ghi chữ MEINFA, kìm đã qua sử dụng (*Vật chứng này đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện V để quản lý*).

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa: Bị cáo Thành có ý kiến nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát. Nhất trí bồi thường tiền công đi tìm xe máy là 4.000.000đ theo yêu cầu của bị hại và nhất trí quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo T xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:*

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy: Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 21/12/2022, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1-236.46 là tài sản của ông Phan Văn T. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá huyện V ngày 10/01/2023 kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 23H1-236.46 có giá trị là 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*), với mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo trước phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng đã công bố, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị hại T đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây ảnh hưởng không tốt trong quần chúng nhân dân tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPATC ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, HĐXX thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng có đủ tác dụng giáo dục, dẫn đến bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và cũng có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về phần dân sự: Giữa bị cáo T và bị hại T đã thực hiện xong phần bồi thường trách nhiệm dân sự về thiệt hại của chiếc xe máy (tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường bổ sung. Do vậy, HĐXX không xem xét. Bên cạnh đó ghi nhận việc bị cáo nhất trí trả 4.000.000đ tiền công đi tìm xe máy mà bị hại đã yêu cầu bị cáo phải bồi thường tại phiên tòa.

[7] Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xét thấy: 01 (một) xe mô tô Honda màu đen, toàn bộ phần vỏ nhựa đen đã bị tháo ra; Số loại: WAVE ALPHA; Số khung: RLHJA3926NY120286; Số máy: JA39E2617191; 01 biển kiểm soát 23H1-236.46; 01 cụm đèn chiếu sáng xe mô tô; 02 tấm nhựa yếm xe mô tô; 01 ốp sườn xe màu đen bằng nhựa; 01 tấm nhựa mặt nạ xe màu đen; 01 tấm ốp màu đen ốp ổ khóa xe; 02 chìa khóa xe (chìa khóa của ổ khóa mới); 01 bộ ổ khóa xe mô tô (ổ khóa cũ); 01 giấy đăng ký xe mô tô số 003177 mang tên Phan Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Nà Lách, xã Linh H, huyện V, tỉnh H. Xe mô tô BKS 23H1-236.46 (cùng các linh kiện bị tháo rời) và giấy tờ trên là tài sản hợp pháp của bị hại Phan Văn T. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp.

[8] Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội: 01 Tô vít tổng chiều dài 24cm, phần tay cầm bằng nhựa, màu vàng cam - cam, đã qua sử dụng; 01 Chiếc kìm tổng chiều dài 17cm, phần tay cầm bằng nhựa có ghi chữ MEINFA, kìm đã qua sử dụng. Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 31/3/2023.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[10] Đối với Nguyễn Thị X (vợ của bị cáo), tuy lúc đầu X đi cùng bị cáo đến nhà ông Nguyễn Lương H để tham dự đám cưới, nhưng khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì X không có mặt và cũng không biết việc T đã thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, không có căn cứ để xem xét đối với hành vi của Nguyễn Thị X.

[11] Đối với Nguyễn Thị H (là chị gái ruột của bị cáo), khi T mang xe mô tô BKS 23H1- 236.46 đến nhà H cất giấu thì H đang ngủ nên không biết sự việc xảy ra, cũng không biết xe mô tô trên là tài sản do T trộm cắp. Vì vậy, không xem xét giải quyết đối với Nguyễn Thị H.

[12] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đồng thuận của HDXX được chấp nhận.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm

2015; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP/TATC ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 25/4/2023. Hủy bỏ quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về UBND xã Linh H, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Phan Văn T. Địa chỉ: Thôn Nà Lách, xã Linh H, huyện V, tỉnh H số tiền 4.000.000đ tiền công đi tìm xe máy.

*"Khoản tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."*

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm:

01 Tô vít tổng chiều dài 24cm, phần tay cầm bằng nhựa, màu vàng cam - cam, đã qua sử dụng; 01 Chiếc kim tổng chiều dài 17cm, phần tay cầm bằng nhựa có ghi chữ MEINFA, kim đã qua sử dụng;

*(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 31/3/2023)*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền hai loại án phí bị cáo phải thi hành là 500.000đ.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2023).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân**